

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 45 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT
ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2020) VÀ 45 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG QUÊ
HƯƠNG BÌNH THUẬN (19/4/1975- 19/4/2020)

*(Kèm theo Công văn 2527-CV/BTGTU ngày 7 /4/2020 của Ban Tuyên giáo Tỉnh
ủy)*

Phần thứ nhất

Chặng đường lịch sử, chiến công oanh liệt của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước

I. Bối cảnh quốc tế và trong nước

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ có tiềm lực rất mạnh, nổi lên cầm đầu phe đế quốc hiếu chiến với âm mưu bá chủ thế giới. Sau thất bại của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Lúc này trên thế giới đã phân chia thành hai hệ thống đối đầu gay gắt bằng cuộc “chiến tranh lạnh” và chạy đua vũ trang quyết liệt. Hệ thống chủ nghĩa xã hội (XHCHN), phong trào công nhân ở các nước tư bản, phong trào giải phóng dân tộc ở khắp nơi trên thế giới dâng cao.

Trong nước, sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được giải phóng và bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam vẫn dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trở thành nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân tộc ta.

II. Những bước phát triển của cuộc kháng chiến

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta trải qua gần 21 năm, là cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và nhiều thách thức, ác liệt. Đảng và nhân dân ta phải đấu trí và đấu sức chống tên đế quốc giàu mạnh và hung bạo nhất trong phe đế quốc. Cuộc kháng chiến này đã trải qua nhiều giai đoạn, phải đối phó lần lượt với các kế hoạch, chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ.

1. Giai đoạn từ tháng 7/1954 đến hết năm 1960: Đấu tranh giữ gìn lực lượng, chuyển dần sang thế tiến công, làm thất bại bước đầu phương thức chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Những chiến thắng oanh liệt trong kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 đã buộc thực dân Pháp và can thiệp Mỹ phải ký Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Campuchia và Lào. Nhưng với những mưu đồ đã dự tính từ trước, đế quốc Mỹ trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ, hắt cẳng Pháp, gạt bỏ những

thế lực tay sai của Pháp, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện chính sách thực dân mới, mưu đồ chia cắt lâu dài đất nước ta. Chính quyền Mỹ - Diệm tập trung thực hiện biện pháp “tố cộng”, “diệt cộng” đàn áp, khủng bố phong trào yêu nước, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng ở miền Nam, ban hành Luật 10/59 “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, biến cả miền Nam thành nơi tràn ngập nhà tù, trại giam, trại tập trung. Cách mạng miền Nam bị chìm trong biển máu.

Đứng trước tình thế mới, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo quân và dân cả nước thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Một là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước. Hai là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà.

Thực hiện nhiệm vụ trên, miền Bắc tích cực triển khai những công việc bộn bề sau chiến tranh, nhanh chóng tổ chức cuộc sống mới. Trong ba năm (1958-1960), chúng ta đã hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo XHCN, căn bản xoá bỏ chế độ bóc lột, bước đầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội theo con đường đi lên CNXH, chuẩn bị một số nội dung cho cách mạng cả nước trong giai đoạn mới. Ở miền Nam, cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng khó khăn, ác liệt, nhưng đại bộ phận nhân dân vẫn một lòng theo Đảng, bất khuất chống áp bức, khủng bố, bảo vệ lực lượng cách mạng.

Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời, xác định rõ mục tiêu, phương pháp cách mạng miền Nam, mối quan hệ chiến lược của cách mạng hai miền, giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới; phản ánh đúng nhu cầu của lịch sử, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam; định hướng và động viên nhân dân miền Nam vùng lên đấu tranh, tạo ra phong trào Đồng Khởi (1959 - 1960), xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam, làm tan rã hàng loạt bộ máy của ngụy quyền ở các thôn, xã.

2. Giai đoạn từ đầu năm 1961 đến giữa năm 1965: Giữ vững và phát triển thế tiến công, đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ

Từ cuối năm 1960, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, chuyển sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đối phó với cách mạng miền Nam. Đó là chiến lược dùng quân đội ngụy tay sai làm công cụ tiến hành chiến tranh, càn quét, dồn dân vào ấp chiến lược, đưa 10 triệu nông dân miền Nam vào các trại tập trung, tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, kết hợp song song cả đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, đánh địch bằng cả ba mũi giáp

công, trên cả ba vùng chiến lược, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai.

Trên miền Bắc, các mặt trận kinh tế, văn hoá, an ninh quốc phòng đều có bước phát triển mới. Quân và dân miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu và chi viện cho miền Nam.

3. Giai đoạn từ giữa năm 1965 đến hết năm 1968: Đảng phát động toàn dân chống Mỹ cứu nước, đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đánh thắng cuộc phá hoại bằng không quân và hải quân lần thứ nhất ở miền Bắc.

Trước nguy cơ phá sản của “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, sử dụng quân đội Mỹ là lực lượng cơ động chủ yếu nhằm tiêu diệt bộ đội chủ lực ta; dùng nguy quân, nguy quyền để bình định, kìm kẹp nhân dân, âm mưu đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (từ giữa 1965 đến hết 1967), đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đánh thắng quân xâm lược Mỹ ngay từ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào. Tiếp theo những trận thắng oanh liệt ở Núi Thành, Vạn Tường, Plâyme, Đất Cuốc, Bầu Bàng, ta lại đánh bại 3 cuộc hành quân lớn của Mỹ vào miền Đông Nam Bộ, đánh thắng lớn ở các chiến trường Tây Nguyên, miền Tây khu V, Đường 9, đồng bằng Nam Bộ và các mục tiêu chủ yếu của địch ở các thành phố lớn.

Quân dân miền Bắc tiếp tục đánh trả cuộc tiến công của Mỹ bằng không quân và hải quân, giành những thắng lợi lớn trên nhiều mặt, bảo đảm giao thông thông suốt, chi viện sức người, sức của ngày càng lớn cho miền Nam.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pari, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta bước vào giai đoạn mới.

4. Giai đoạn từ năm 1969 đến năm 1973: Phát huy sức mạnh liên minh chiến đấu Việt Nam với Lào, Campuchia, làm thất bại một bước chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân lần thứ hai ở miền Bắc, tạo thế mạnh trong đàm phán.

Đế quốc Mỹ thi hành chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, từng bước mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào. Thủ đoạn xảo quyệt của Mỹ là thực hiện chiến tranh hủy diệt và chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt để làm suy yếu cuộc kháng chiến của nhân dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc.

Quân và dân ta phối hợp với quân, dân hai nước Lào và Campuchia đánh bại một bước quan trọng chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. Những thắng lợi của chiến tranh cách mạng ba nước Đông Dương trong hai năm 1970 - 1971 đã tạo thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Nhờ chuẩn bị tốt lực lượng, nhằm đúng thời cơ, quân và dân ta đã liên tiếp giành thắng lợi lớn trên chiến trường, nhất là cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ở miền Bắc, nổi bật là đánh thắng cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ, làm thay đổi cục diện chiến trường, cục diện chiến tranh.

Trong đàm phán, chúng ta cũng khôn khéo tiến công địch, phối hợp chặt chẽ giữa “đánh và đàm”, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu ra khỏi miền Nam. Tương quan lực lượng thay đổi hẳn, có lợi cho ta, tạo điều kiện cơ bản nhất để ta giành thắng lợi cuối cùng.

5. Giai đoạn từ cuối năm 1973 đến ngày 30/4/1975: Tạo thế và lực, tạo thời cơ, kiên quyết tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi ký Hiệp định Pari, mặc dù buộc phải rút hết quân nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu dùng nguy quân, nguy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Mỹ tăng cường tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho nguy lẩn đất, giành dân, không chế nhân dân, thực hiện các hoạt động ngoại giao xảo quyệt hòng ngăn chặn sự phát triển của cách mạng miền Nam. Đến tháng 5/1973, xu thế chống phá Hiệp định Pari của địch ngày càng tăng. Chúng điên cuồng đánh phá hòng xoá bỏ vùng giải phóng của ta, đẩy lùi lực lượng cách mạng.

Tháng 7/1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 đã khẳng định con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực và đề ra các nhiệm vụ lớn cho hai miền Nam - Bắc.

Nửa cuối năm 1974, cuộc chiến tranh của quân và dân ta ở miền Nam chống lại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” đã giành được thắng lợi. Ta ngày càng mạnh lên, nguy ngày càng suy yếu rõ rệt. Nước Mỹ lâm vào khủng hoảng nội bộ.

Tháng 7/1974, Đảng ta chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam xây dựng kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, nếu thời cơ đến sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Thắng lợi toàn miền, nhất là của miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là chiến thắng Phước Long cuối năm 1974 - đầu năm 1975 càng cho thấy thực tế suy yếu của

quân nguy Sài Gòn và khả năng Mỹ khó quay trở lại Việt Nam. Đảng ta nhận định thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bắt đầu từ ngày 4/3/1975 bằng 3 đòn chiến lược: Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu bằng trận đột phá đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên; Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định kết thúc vào ngày 30/4/1975. Qua gần 2 tháng chiến đấu với sức mạnh áp đảo về chính trị và quân sự, quân và dân ta đã giành được toàn thắng, kết thúc 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

6. Ý nghĩa lịch sử

- *Đối với Việt Nam:* Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng và chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước mấy ngàn năm của dân tộc. Nhân dân ta đánh thắng kẻ thù lớn mạnh và hung hãn nhất của loài người tiến bộ; kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất đất nước; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; đánh dấu bước ngoặt quyết định trong lịch sử dân tộc, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do, cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội.

- *Đối với thế giới:* Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập dân tộc, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ, động viên các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc; mở đầu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới trên toàn thế giới.

7. Nguyên nhân thắng lợi

Một là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Hai là, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân đã phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một lòng đi theo Đảng, đi theo Bác Hồ, chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, bền bỉ, lao động quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì Chủ nghĩa xã hội và vì quyền con người.

Ba là, cả nước đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, trên dưới một lòng, triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Bốn là, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Năm là, đoàn kết, liên minh chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia; đoàn kết quốc tế.

8. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Xác định đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Thứ ba: Vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt phương pháp đấu tranh cách mạng, phương thức tiến hành chiến tranh toàn dân và nghệ thuật quân sự chiến tranh toàn dân, xây dựng và phát triển lý luận chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Thứ tư: Chủ động, nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo chiến lược chiến tranh cách mạng và nghệ thuật tạo và nắm thời cơ giành những thắng lợi quyết định.

Thứ năm: Phải luôn luôn chú trọng xây dựng Đảng trong mọi hoàn cảnh, nâng cao sức chiến đấu và phát huy hiệu lực lãnh đạo của Đảng.

III. Thành tựu sau 45 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

1. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 9/1975 đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước. Ngày 25/4/1976 cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trên toàn quốc với hơn 23 triệu cử tri (98,8% tổng số cử tri) đi bầu. Quốc hội quyết định lấy tên nước là Cộng hòa XHCN Việt Nam (từ 2/7/1976). Quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca, Quốc huy là “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Hà Nội là thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thống nhất. Thành phố Sài Gòn đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy toàn diện sức mạnh phát triển đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH, có những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới. Từ đó đến nay, nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, thực hành dân chủ, phát huy sức sáng tạo của nhân dân, được quán triệt trong nhiệm vụ xây dựng một nhà nước pháp quyền XHCN thực sự của dân, do dân, vì dân. Quốc hội có những bước đổi mới quan trọng, từ khâu bầu cử đại biểu đến hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, làm tốt hơn chức năng lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, tăng cường và lắng nghe ý kiến cử tri. Nâng cao sức chiến đấu, vai trò, vị trí của Đảng cầm quyền, chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức được tăng cường.

Chính phủ có nhiều cải tiến trong phương thức hoạt động, trong thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần phục vụ nhân dân. Hệ thống chính trị được củng cố, phân định rõ hơn trách nhiệm và quyền hạn, đảm nhiệm ngày càng toàn diện hơn việc lãnh đạo, quản lý sự phát triển đất nước.

2. Kinh tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng, văn hóa - xã hội có bước tiến bộ rõ nét. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, chịu hậu quả nặng nề của nhiều năm chiến tranh, lại bị bao vây cấm vận, Việt Nam đã vượt lên, phát triển kinh tế khá nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế. Đất nước ta không những đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, phá được thế bao vây cấm vận, vượt qua những tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực và thế giới những năm 1997-1998 và cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu những năm gần đây mà vẫn giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Hàng hoá trên thị trường dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi. Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Mức tăng trưởng GDP bình quân 6-7%/năm, đặc biệt giai đoạn 1990-2000 đạt 7,5%; giai đoạn 2001-2005 đạt 7,51%, riêng năm 2006 là 8,23% và năm 2007 là 8,48%. Năm 2008, do tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, ảnh hưởng đến nền kinh tế đất nước, GDP chỉ đạt 6,23%. Trong các năm từ 2009 đến 2014 tăng trưởng GDP lần lượt là 5,32%; 6,78%; 5,89%; 5,03%; 5,4%; 5,98%, từ 2015 đến 2019 tăng trưởng GDP lần lượt là 6,68%; 6,21%; 6,81%; 7,08%; 7,02%. Đặc biệt, năm 2019 Việt Nam đã thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng; là năm thứ hai liên tiếp nước ta đạt và vượt toàn bộ 12 chỉ tiêu chủ yếu, trong đó 7 chỉ tiêu vượt kế hoạch là: GDP, xuất khẩu, giảm nghèo, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, xuất siêu, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế, số giường bệnh/vạn dân. Kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc, tốc độ GDP tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra (từ 6,6-6,8%) và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao hàng đầu khu vực và thế giới.

Thế chế kinh tế thị trường định hướng XHCN tiếp tục được hoàn thiện. Quan hệ sản xuất ngày càng phù hợp hơn, tạo điều kiện phát triển lực lượng sản xuất. Các loại thị trường từng bước được hình thành và phát triển, gắn kết ngày càng tốt hơn với thị trường thế giới.

Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Từ năm 2008 chúng ta đã đạt mức thu nhập bình quân đầu người trên 1.000 đô la, vượt qua ngưỡng nước nghèo chậm phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Đến năm 2019 thu nhập bình quân đầu người đạt 64,4 triệu đồng, tương đương 2.800 USD (năm 2018 là 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD), tăng 213 USD so với năm 2018. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58% năm 1993 đến năm

2014 còn 8%, đến năm 2019 tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm xuống còn 4% và được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Năm 2000, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xoá nạn mù chữ. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ. Tuổi thọ của người dân ngày càng tăng. Phúc lợi và an sinh xã hội được coi trọng và từng bước mở rộng. Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng được Đảng, Nhà nước và cả xã hội quan tâm. Vấn đề tạo điều kiện ưu đãi về tín dụng, đào tạo nghề, phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo cho đối tượng chính sách được quan tâm. Công tác giải quyết việc làm và xoá đói, giảm nghèo đạt kết quả tốt; sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hoá về loại hình trường lớp; khoa học công nghệ và tiềm lực khoa học - công nghệ có bước phát triển nhất định; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ; những giá trị văn hoá đặc sắc của dân tộc được kế thừa và phát triển, giao lưu hợp tác văn hoá với nước ngoài được mở rộng, các tài năng văn hoá - nghệ thuật được khuyến khích; chính sách phát triển nguồn nhân lực được chú trọng.

3. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường; chính trị - xã hội ổn định; độc lập chủ quyền quốc gia được giữ vững; tiềm lực an ninh, quốc phòng ngày càng lớn mạnh. 45 năm qua, chúng ta đã bảo vệ được thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ XHCN, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh phát triển kinh tế, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới, nâng cao trình độ hiểu biết về quốc phòng, an ninh và ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và phát triển tiềm lực quốc phòng theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại và có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội.

4. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Chúng ta đã phá vỡ thế bao vây cấm vận, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, xác lập được quan hệ ổn định với các nước lớn; có quan hệ ngoại giao với 187 nước, quan hệ kinh tế thương mại với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ; là thành viên của nhiều tổ chức, diễn đàn quốc tế ASEAN, ASEM, APEC, WTO, CPTPP; đã chính thức ký với Liên minh Châu Âu Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (EVIPA), kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP). Năm 2019 Việt Nam đã tổ chức thành công hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều Tiên lần thứ hai tại Hà Nội, góp phần thúc đẩy đối thoại, hòa giải, hòa bình trên bán đảo Triều Tiên, được các đối tác và cộng đồng quốc tế đánh giá rất cao; được bầu làm ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (192/193 phiếu);

tích cực tham gia giải quyết những vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan, góp phần giữ vững môi trường hoà bình khu vực và thế giới.

IV. Phát huy tinh thần cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

1. Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu của Đại thắng mùa Xuân 1975, động viên toàn thể dân tộc Việt Nam vững bước trên con đường xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực, như: đấu tranh trong lĩnh vực tư tưởng bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc và an ninh chính trị, lao động sản xuất, nghiên cứu, học tập, xả thân cứu dân trong thiên tai, thảm họa, đoàn kết dân tộc, tương thân tương ái, gìn giữ phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ...

2. Phát huy cao độ tinh thần quyết chiến, quyết thắng của Đại thắng mùa Xuân 1975 để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, không chịu tụt hậu, từng bước tiến kịp thời đại, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, có vị thế xứng đáng trên thế giới. Khát vọng đó của dân tộc cũng thiêng liêng và mãnh liệt như ý chí giành độc lập, thống nhất Tổ quốc.

3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là động lực chủ yếu, là nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự nghiệp đổi mới. Toàn dân đoàn kết, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, hoàn cảnh, chung sức, đồng lòng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường giáo dục giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ, tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; phát huy nội lực của đất nước với sự giúp đỡ, hợp tác với các nước, tận dụng triệt để các nguồn lực trong và ngoài nước; giải quyết hài hòa các nhiệm vụ đối nội và đối ngoại. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

5. Giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng con người mới: Đảng, Nhà nước và nhân dân đặt niềm tin vào thế hệ trẻ sẽ nối tiếp xứng đáng sự nghiệp của các thế hệ đi trước trong điều kiện mới, tiến quân vào khoa học và công nghệ, vươn tới những đỉnh cao của trí tuệ loài người, nâng tầm văn hóa trong cuộc sống, năng động sáng tạo trong học tập, lao động, kinh doanh, trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và các hoạt động văn hóa, xã hội, trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh và quốc phòng. Thế hệ

thanh niên trước đây đã đảm đương xuất sắc vai trò xung kích trong Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và các cuộc kháng chiến; ngày nay là lực lượng xung kích, đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6. *Phát huy tri thức, kinh nghiệm quân sự, công tác tư tưởng trong Đại thắng mùa Xuân 1975 vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.* Quốc phòng vững mạnh sẽ góp phần trực tiếp vào việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, xã hội, bảo đảm và tạo điều kiện quan trọng cho việc thực hiện những mục tiêu chiến lược của đất nước. Không ngừng nâng cao chất lượng hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng - an ninh, xây dựng ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho mọi công dân nhằm khơi dậy, phát huy những giá trị truyền thống yêu nước của dân tộc trong điều kiện lịch sử mới.

Kỷ niệm 45 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là dịp để chúng ta ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc, nhìn lại chặng đường phấn đấu xây dựng và phát triển đất nước; đồng thời, nhận thức sâu sắc hơn giá trị, những bài học kinh nghiệm được tổng kết từ trong thực tiễn đấu tranh của dân tộc để tiếp thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Phần thứ hai

I. LỊCH SỬ VẼ VANG CỦA QUÂN VÀ DÂN BÌNH THUẬN TRONG SỰ NGHIỆP CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Sau khi nhảy vào xâm lược miền Nam Việt Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm. Cả miền Nam nước ta, trong đó có tỉnh Bình Thuận chìm trong khói lửa chiến tranh. Mặc dù bị quân thù đàn áp khốc liệt, phong trào cách mạng ở Bình Thuận gặp nhiều khó khăn nhưng với truyền thống yêu nước, trung thành với Đảng, với dân tộc, quân và dân Bình Thuận đã kiên cường vượt qua biết bao khó khăn, gian khổ, hy sinh, chiến đấu anh dũng lập nhiều chiến công oanh liệt, cùng quân dân cả nước làm thất bại hoàn toàn các chiến lược: "*Chiến tranh đơn phương*", "*Chiến tranh đặc biệt*", "*Chiến tranh cục bộ*" và chiến lược "*Việt Nam hoá chiến tranh*" của đế quốc Mỹ. Đặc biệt, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân và dân Bình Thuận đã cùng quân dân cả nước đánh đòn quyết định làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải đơn phương xuống thang chiến tranh. Kết quả thắng lợi quân sự của quân và dân ta trên chiến trường buộc đế quốc Mỹ phải ký "*Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam*", khởi đầu cho một quá trình đi xuống về mặt chiến lược của Mỹ- ngụy.

Phát huy những thắng lợi có ý nghĩa quyết định, không bỏ lỡ thời cơ, ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Hồ Chí Minh và hạ quyết tâm giải phóng miền Nam bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mùa Xuân năm 1975.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, các lực lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận đã liên tục mở rộng diện tấn công địch, tạo thế, tạo lực để phối hợp quân chủ lực giành thắng lợi quyết định.

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, Quân khu VI, Quân khu VII phối hợp cùng lực lượng vũ trang Bình Thuận mở chiến dịch Hoài Đức - Tánh Linh.

Tháng 12/1974, ta giải phóng hoàn toàn hai huyện Tánh Linh, Hoài Đức; đồng thời, tiến công, giải phóng và làm chủ nhiều vùng nông thôn của huyện Hàm Thuận, tạo một vành đai vây ép dồn địch vào các trung tâm thị xã, thị trấn.

Ở các huyện Hòa Đa, Phan Lý, Thuận Phong, Tuy Phong, Hải Ninh và các huyện thuộc tỉnh Bình Tuy (cũ) bộ đội địa phương và dân quân, du kích liên tục đột áp diệt ác, phá kềm, đánh phá giao thông, đánh chặn địch hành quân càn quét vào vùng làm chủ của ta, làm cho hệ thống kềm kẹp của địch bị lỏng rã ở nhiều nơi.

Phan Thiết là trung tâm hành chính, quân sự đầu não của ngụy quyền tỉnh Bình Thuận nên địch bố trí phòng thủ với lực lượng quân sự mạnh, nhưng các đơn vị của thị xã Phan Thiết vẫn liên tục đột nhập đánh diệt gây nhiều thiệt hại cho địch như đánh diệt cụm địch ở bến xe Đức Long (8/12/1974), diệt cụm địch ở Phú Mỹ (14/12/1974) và diệt cụm lô cốt Xuân Phong làm cho địch hoang mang phải điều động lực lượng tăng cường phòng thủ thị xã, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng vũ trang các huyện đánh địch mở rộng vùng tranh chấp, vùng giải phóng, đưa phong trào cách mạng tỉnh Bình Thuận phát triển cao hơn. Ở một số nơi địch tung lực lượng phản kích hòng tái chiếm các vùng đã mất, song không xoay chuyển được tình thế.

Sau thất bại ở Tây Nguyên, để giữ phần đất còn lại, địch sáp nhập 2 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận vào Vùng 3 chiến thuật, lấy Phan Rang làm “lá chắn” để bảo vệ Sài Gòn. Chúng điều Liên đoàn Biệt động quân số 24 từ Bình Tuy ra Phan Thiết và tăng cường nhiều đơn vị bộ binh, pháo binh nhằm cố thủ ở Bình Thuận.

Cục diện chiến trường có bước nhảy vọt khi Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng, Khu ủy và Quân khu ủy Khu VI ra Chỉ thị: “*Tình hình diễn biến rất thuận lợi cho ta, các tỉnh không được trông chờ ỷ lại chủ lực mà phải... xốc tới tiêu diệt địch, giải phóng địa phương mình*”. Thực hiện chỉ đạo trên, quân và dân Bình Thuận đã liên tục tiến công tiêu diệt địch trên địa bàn mình. Ngày 5/4/1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận cùng với Bộ Chỉ huy tiền phương họp bàn kế hoạch đánh địch và hạ quyết tâm: Tấn công dứt điểm chi khu Thiện Giáo, giải phóng các xã dọc lộ 8

và Quốc lộ 1, áp sát thị xã Phan Thiết, sau đó phối hợp với các lực lượng của trên giải phóng thị xã và toàn tỉnh.

Ngày 7/4/1975, Trung đoàn 812 - Quân khu VI, từ Tuyên Đức hành quân cấp tốc về Ma Lâm để phối hợp với Tiểu đoàn 200C, Tiểu đoàn 840 của Quân khu và các lực lượng vũ trang, chính trị của tỉnh, của huyện Hàm Thuận đánh địch giải phóng chi khu Thiện Giáo. Hai giờ 45 phút sáng ngày 8/4/1975, ta nổ súng tấn công chi khu. Đến 21 giờ ngày 8/4 ta làm chủ chi khu và quận lỵ Ma Lâm, đập tan cứ điểm quan trọng bảo vệ phía Bắc Phan Thiết, làm cho hệ thống đồn bót của địch dọc lộ 8 và các khu vực xung quanh rúng động. Ngày 9/4/1975, lực lượng vũ trang của ta tiếp tục đánh chiếm các ấp Tân Thành, Tầm Hưng, An Phú, Bình An, Bình Lâm. Ở hướng Quốc lộ 1 ta tiêu diệt đồn Xa Ra và giải phóng ấp Xa Ra.

Với những thắng lợi đã giành được đã mở ra thời cơ thuận lợi cho quân và dân Bình Thuận có thể giải phóng hoàn toàn tỉnh nhà. Vì vậy, ngày 9/4/1975, lãnh đạo Quân khu VI và tỉnh Bình Thuận quyết định thành lập Ban Chỉ huy giải phóng Bình Thuận. Đồng chí Đỗ Phú Đáp, Tham mưu trưởng Quân khu làm Chỉ huy trưởng; đồng chí Nguyễn Quý Đôn - Bí thư Tỉnh ủy làm Chính ủy.

Từ ngày 10 đến 12/4, lực lượng vũ trang của Quân khu VI, của tỉnh và huyện Hàm Thuận đánh chiếm một số mục tiêu then chốt của địch trên lộ 8, từ An Phú đến Tân An, Tân Điền,... Ở hướng Tây Bắc Phan Thiết, lực lượng của thị xã cũng đánh chiếm các ấp Đại Hòa, Đại Thiện, hình thành nên một vành đai áp sát Phan Thiết. Sau đó, ta tiếp tục đánh chiếm các ấp Tùy Hòa, Gộp, Gò và yếu khu Phú Long - vị trí phòng thủ then chốt phía Bắc của Phan Thiết.

Ngày 12/4/1975, địch đưa nhiều tiểu đoàn với sự chi viện của pháo binh, máy bay phản kích quyết liệt hòng chiếm lại những nơi đã mất song đều bị thất bại. Đến ngày 13/4/1975, ta giải phóng được một vùng nông thôn rộng lớn, làm chủ lộ 8, chia cắt Quốc lộ 1 ở nhiều đoạn quan trọng, dồn địch về Phan Thiết trong thế bị cô lập. Trong thời gian này, Tiểu đoàn 130 pháo binh (Quân khu VI) đang đứng chân ở khu vực Tam Giác cũng đã liên tục bắn pháo vào các vị trí địch ở thị xã, tiểu khu, các kho hậu cần, kho xăng, cứ điểm Tà Dôn và sân bay Căng ESEPIC tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, khống chế và đẩy địch vào tình thế rối loạn.

Ở Bình Tuy, từ ngày 3/4 đến 22/4/1975, bộ đội địa phương tỉnh, thị xã La Gi, các huyện và dân quân du kích các xã đã liên tục đánh địch, giải phóng và làm chủ nhiều vùng nông thôn; làm chủ trục lộ 23 đến xã Tân Thắng và liên tục pháo kích tiểu khu Bình Thuận và khống chế sân bay Láng Gòn.

Sau khi giải phóng Ninh Thuận, quân chủ lực của ta tiến vào Bình Thuận. Quân chủ lực tiến đến đâu, quần chúng nổi dậy phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương truy quét tề điệp, giải phóng xã, ấp mình đến đó.

Chiều ngày 17/4/1975 huyện Tuy Phong được giải phóng. Sáng ngày 18/4/1975, các huyện Hòa Đa, Phan Lý và Hải Ninh lần lượt được giải phóng. 20 giờ ngày 18/4/1975, ta tấn công vào Phan Thiết, địch nhanh chóng tan rã, bỏ vũ khí ra đầu hàng quân giải phóng.

9 giờ sáng ngày 19/4/1975, Ủy ban quân quản vào tiếp quản Phan Thiết. Ngày 23/4, Hàm Tân được giải phóng. Được sự chi viện của Đoàn 382 Hải quân, đêm 26/4/1975, Tiểu đoàn 482 của tỉnh, Đại đội 490 và một số cán bộ của huyện Tuy Phong vượt biển ra đảo Cù Lao Thu (Phú Quý). 4 giờ sáng ngày 27/4/1975, quân ta nổ súng tấn công. Sau hơn 01 giờ chiến đấu ác liệt, quân địch buông vũ khí đầu hàng. Cù Lao Thu - phần đất cuối cùng của Bình Thuận được hoàn toàn được giải phóng.

Sau 51 ngày đêm (8/3- 27/4/1975) liên tục tấn công và nổi dậy, quân, dân Bình Thuận và Bình Tuy đã giải phóng hoàn toàn quê hương, góp phần cùng quân dân cả nước lập nên kỳ tích đại thắng Mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Trải suốt hơn 21 năm chiến đấu kiên cường, quân và dân Bình Thuận đã lập nhiều chiến công hiển hách, xứng đáng với 12 chữ vàng mà Đảng và Nhà nước đã trao tặng “*Tự lực, tự cường, chiến đấu oanh liệt, thắng lợi vẻ vang*”.

II. THÀNH TỰU 45 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (1975 - 2020) CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN BÌNH THUẬN

Qua 45 năm quê hương được giải phóng, nhất là từ khi tái lập tỉnh (1992) đến nay, đặc biệt là 5 năm trở lại đây, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã phát huy truyền thống cách mạng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ra sức xây dựng và phát triển tỉnh nhà đạt được nhiều thành tích quan trọng. Trong đó, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) bình quân 8,3%/năm trong đó, GRDP nhóm ngành: Công nghiệp - xây dựng tăng 16,01% (kế hoạch 9 - 9,5%); dịch vụ tăng 7,35% (kế hoạch 8,2 - 8,7%); nông - lâm - thủy sản tăng 2,92% (kế hoạch 3 - 3,8%). GRDP bình quân đầu người năm 2019 đạt 2.587 USD (dự kiến đạt 2.935 USD vào năm 2020).

Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội nổi bật trên các lĩnh vực:

1. Sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 17,29%/năm. Tiềm năng về năng lượng được phát huy tốt hơn, công nghiệp sản xuất và phân phối điện tăng trưởng cao, là động lực chính thúc đẩy phát triển công nghiệp của tỉnh. Đầu tư hạ tầng và thu hút các dự án đầu tư thứ cấp vào các khu, cụm công nghiệp có chuyển biến tích cực. Năm 2019, có 06 khu công nghiệp đã và đang đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, với tổng diện tích 1.094 ha, thu hút 33 dự án đầu tư thứ cấp (trong đó có 11 dự án FDI), với tổng vốn đăng ký đầu tư 1.363 tỷ

đồng và 57,9 triệu USD. Toàn tỉnh có 22 cụm công nghiệp thu hút 169 dự án đầu tư với tổng diện tích 219 ha, chiếm khoảng 31,45% diện tích đất công nghiệp; đã đầu tư hạ tầng tương đối hoàn chỉnh 3 cụm công nghiệp.

2. Du lịch

Số lượt du khách và doanh thu du lịch liên tục tăng qua từng năm. Kết cấu hạ tầng về du lịch được quan tâm đầu tư; các dự án du lịch triển khai bước đầu đạt kết quả tốt và thu hút một số nhà đầu tư có tiềm lực, góp phần đa dạng hóa các loại hình dịch vụ du lịch, nhất là du lịch biển. Khu du lịch quốc gia Mũi Né được quan tâm xây dựng và tiếp tục giữ vững thương hiệu. Trong giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh đón 28.873.422 lượt du khách, tăng bình quân 11,22%/năm; trong đó du khách quốc tế 3.431.516 lượt, tăng bình quân 13,94%/năm. Doanh thu du lịch đạt 65.721 tỷ đồng, tăng bình quân 18,42%/năm; bình quân công suất sử dụng phòng, phòng đạt từ 58 - 59%. GRDP du lịch năm 2017 đạt 8,82%, năm 2018 đạt 9,44%, năm 2019 đạt 9,97%, năm 2020 ước đạt 10% so với GRDP của tỉnh.

Đến nay, toàn tỉnh có 383 dự án đầu tư dịch vụ du lịch với tổng vốn đăng ký 59.618 tỷ đồng, tổng diện tích đất 6.386 ha; trong đó có 24 dự án FDI với tổng vốn 13.071 tỷ đồng, tổng diện tích đất 2.081 ha; có 188 dự án đi vào hoạt động, 73 dự án đang xây dựng.

3. Thương mại, dịch vụ

Tiếp tục khai thác có hiệu quả các thị trường xuất khẩu truyền thống, coi trọng thị trường nội địa, hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ được tăng cường thị trường xuất khẩu hàng hóa được củng cố và mở rộng, đẩy mạnh xuất khẩu chính ngạch đối với các sản phẩm lợi thế của tỉnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2016-2020 ước tăng bình quân 12,16%/năm; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 10,84%/năm. Triển khai đầu tư xây mới 2 siêu thị, nâng cấp, xây mới 25 chợ; có 50 dự án thương mại đã được chấp thuận đầu tư với tổng vốn đăng ký đầu tư 699,3 tỷ đồng.

4. Sản xuất nông lâm thủy sản

- Cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp từng bước được điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế của địa phương gắn với nhu cầu thị trường. Bước đầu quy hoạch, thu hút đầu tư một số trang trại sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Cơ cấu cây trồng được chuyển đổi đúng hướng hệ số sử dụng đất lúa tiếp tục tăng; tiếp tục chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác có hiệu quả hơn; duy trì ổn định diện tích các loại cây trồng có lợi thế trong đó, sản xuất thanh long theo tiêu chuẩn an toàn ngày càng được chú trọng. Đã hình thành một số mô hình liên kết sản xuất gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, bước đầu mang lại hiệu quả. Diện tích cây lâu năm từ 33,36% (năm 2015) tăng lên 36,2% (năm 2020); diện tích cây hàng năm từ 66,64% (năm 2015) giảm còn 63,8%

(năm 2020). Tăng từ 2,14 lần (năm 2015) lên 2,2 lần (năm 2019). Ước đến năm 2020, diện tích thanh long 31.000 ha, tăng 18,9% so năm 2015; sản lượng thanh long đạt 680.100 tấn, tăng 45,2% so với năm 2015; diện tích cao su 42.000 ha, bằng 98,9% so với năm 2015; sản lượng cao su đạt 59.500 tấn, tăng 19,5% so với năm 2015.

- Diện tích rừng trồng mới, trồng cây phân tán, chăm sóc rừng trồng hàng năm đều đạt kế hoạch đề ra. Từ năm 2016-2020, diện tích rừng trồng mới toàn tỉnh đạt 25.141,9 ha, trong đó rừng sản xuất 23.609,9 ha, đưa diện tích rừng trồng sản xuất đến năm 2020 ước đạt 41.203 ha, tổ chức giao khoán bảo vệ 132.878 ha rừng; trong đó, giao khoán cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số quản lý 86.253 ha; xảy ra 135 trường hợp cháy thực bì dưới tán rừng/điện tích 240,5 ha; không gây thiệt hại tài nguyên rừng; bảo vệ 277.928 ha rừng tự nhiên trong quy hoạch lâm nghiệp và 6.782 ha rừng tự nhiên ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

- Các hoạt động khai thác, nuôi trồng gắn với chế biến nâng cao giá trị thủy sản tiếp tục được nâng cao; chú trọng phát triển khai thác hải sản xa bờ có tổ chức gắn với dịch vụ hậu cần, gắn với tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chống khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài. Toàn tỉnh hiện có 6.873 tàu thuyền/1.159.756 CV, công suất bình quân 168,7 CV/thuyền, trong đó tàu thuyền từ 90 CV trở lên có 3.329 chiếc, tàu có chiều dài từ 15 mét trở lên có 1.849 chiếc. Ước đến năm 2020, toàn tỉnh có khoảng 6.800 tàu thuyền/1.080.000 CV, công suất bình quân đạt 175,6 CV/thuyền, trong đó tàu thuyền từ 90 CV trở lên có 3.400 chiếc, tàu có chiều dài từ 15 mét trở lên có 2.000 chiếc. So với năm 2015, tổng công suất tăng 291.833 CV, công suất bình quân tăng 52,89 CV/thuyền và tàu cá công suất từ 90 CV trở lên tăng 796 chiếc. Sản lượng khai thác hải sản năm 2020 đạt 222.000 tấn, tăng 6,3% so năm 2015, vượt mục tiêu đề ra đến năm 2020 (200.000 tấn).

Sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2020 ước đạt 14.500 tấn, tăng 14,7% so năm 2015. Toàn tỉnh hiện có 141 cơ sở sản xuất tôm giống/783 trại/80.600 m³ bể ương, sản xuất theo quy trình công nghiệp; sản lượng sản xuất và tiêu thụ tôm giống năm 2020 ước đạt 24,5 tỷ post, tăng 14,6% so năm 2015.

5. Các vấn đề xã hội

Việc chăm lo giải quyết các vấn đề xã hội luôn được quan tâm. Phong trào xoá đói giảm nghèo được đẩy mạnh, nên giảm số hộ nghèo đói từ 32,4% (năm 1993), xuống còn 3,33% (năm 2015) và 1,92% (năm 2020), hàng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo 0,92% (kế hoạch 1,0 - 1,2%). Mục tiêu xoá nhà tạm, nhà dột nát đối với các hộ nghèo đã cơ bản hoàn thành trong toàn tỉnh. Phong trào đền ơn đáp nghĩa tiếp tục phát triển sâu rộng. Hàng năm vận động xây dựng Quỹ đền ơn đáp nghĩa đều vượt kế hoạch và đã giải quyết trợ cấp kịp thời cho các đối tượng chính sách. Quỹ Vì người nghèo được tỉnh phát động hàng năm, được cán bộ, đảng viên và các

tầng lớp nhân dân đồng tình, ủng hộ nên giá trị tiền đóng góp tăng hàng năm. Riêng năm 2016 thu được 9.308 triệu đồng, đạt 112,2% kế hoạch. Các chính sách an sinh xã hội được đảm bảo, các hoạt động cứu trợ thực hiện kịp thời. Hàng năm đã giải quyết việc làm cho 24.190 lao động (kế hoạch 24.000 lao động).

Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện Nghị quyết 04 của Tỉnh ủy với các chính sách ưu tiên giải quyết đất sản xuất, cho vay vốn chăn nuôi bò, giao khoán quản lý và bảo vệ rừng, tăng cường công tác khuyến nông, trợ cước trợ giá, hợp đồng cung ứng giống, vật tư, thu mua nông sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và các chính sách hỗ trợ về giáo dục, chính sách đào tạo và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số, v.v... đến nay đời sống của đa số bà con được nâng cao, bộ mặt xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số khởi sắc hơn so với trước.

Hoạt động giáo dục - đào tạo chuyên biến tích cực; đã thực hiện tốt việc kiên cố hóa trường học, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ được giữ vững; đến nay có 100% xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và 100% huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh bỏ học giảm, từ 2.115 học sinh (1,92%) năm học 2014-2015 giảm còn 1.112 học sinh (0,99%) năm học 2018-2019. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2019 đạt 42,3%, ước năm 2020 đạt 46,9%.

Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở không ngừng phát triển; trang thiết bị được đầu tư; đội ngũ thầy thuốc được đào tạo, bồi dưỡng,... cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn đều có trạm y tế hoặc phòng khám đa khoa khu vực. Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ đạt 100%; tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi đạt 100%; đến cuối năm 2018, tỷ lệ trạm y tế xã đạt theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 99,2%, ước đến năm 2020 đạt 100%.

Phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục - thể thao đã hướng về cơ sở, cả các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nội dung, hình thức hoạt động đa dạng, phong phú hơn. Hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở được chú ý đầu tư. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” phát triển theo hướng nâng dần chất lượng góp phần thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể với nhân dân được thắt chặt, gắn bó hơn. Ước năm 2020, toàn tỉnh có 280.883 hộ đạt “Gia đình văn hoá” đạt 93,5%; có 560/706 thôn, khu phố được công nhận “Thôn - Khu phố văn hóa” đạt 79,6%; có 55/96 xã đạt chuẩn “Văn hóa nông thôn mới” đạt 57,3%; 20/31 phường, thị trấn đạt chuẩn “Văn minh đô thị” đạt 64,5%; 1.550/1.615 cơ quan, đơn vị đạt “chuẩn văn hóa” đạt 95,9%.

6. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị- xã hội

Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở không ngừng được củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Đặc biệt, qua thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “một số vấn đề cấp bách xây dựng Đảng hiện nay” gắn với Chỉ thị số 03-CT/TW về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; tiếp theo là thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ” gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW về “tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ngày càng nêu cao tinh thần giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần hết sức, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân... Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính quyền được nâng lên; công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được tăng cường; nạn tham nhũng, quan liêu, xa rời nhân dân từng bước được đẩy lùi, đã làm cho nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp.

Mặt trận và các tổ chức đoàn thể có nhiều cố gắng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, sát cơ sở hơn, đã góp phần củng cố, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Không khí dân chủ trong nội bộ Đảng và trong xã hội ngày càng được phát huy, tạo cơ sở rất quan trọng để tiếp tục củng cố sự thống nhất ý chí trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, sự ổn định chính trị của tỉnh.

Tóm lại: Là một tỉnh khô hạn, hệ thống hạ tầng yếu kém, nhưng 45 năm qua, nhất là từ khi tái lập tỉnh (1992) đến nay, đặc biệt là 5 năm trở lại đây, Đảng bộ và nhân dân Bình Thuận đã phát huy truyền thống yêu nước, cách mạng của quê hương, ra sức xây dựng và phát triển tỉnh nhà đạt nhiều thành tựu quan trọng. Nổi rõ nhất là:

1. Đã và đang biến tỉnh nhà từ một tỉnh khô hạn trở thành một tỉnh căn bản chủ động về nước. Nét sáng tạo ở đây là tỉnh đã có chủ trương “*nối mạng thủy lợi*”, mặc dù phải vượt qua rất nhiều khó khăn về địa hình, nhưng đã tạo được sự liên thông giữa các hồ và xây dựng hệ thống kênh mương đều khắp các vùng sản xuất. Nhờ vậy, công suất tưới thực tế của các hồ thủy lợi tăng từ 1,5 đến 2 lần công suất thiết kế. Diện tích lúa được tưới chủ động từ 8,4% (năm 1991) lên hơn 80% (năm 2019) đem lại hiệu quả thiết thực, đáp ứng niềm khát khao cháy bỏng từ bao đời nay của người dân Bình Thuận.

2. Là tỉnh khô hạn, nắng, gió nhiều, nhiều vùng bị sa mạc hóa. Tỉnh đã từng bước biến những khó khăn, thách thức ấy thành những lợi thế của tỉnh. Như: Vùng

khô hạn, tinh chủ trương trồng các loại cây chịu nắng tốt như: *thanh long, cây trôm*; vùng cát, đất khô cần phát triển nuôi đông, điện mặt trời, có nơi trồng thanh long; vùng gió nhiều thì phát triển điện gió; trên biển lợi dụng gió phát triển các môn thể thao trên biển, thu hút du khách, nhất là du khách quốc tế...

Nhờ có thủy lợi và với những hướng đi đúng đắn, phù hợp ấy: Tiềm năng về du lịch, công nghiệp, đặc biệt là tiềm năng nông nghiệp được khai thác ngày càng tốt hơn. Kinh tế Bình Thuận liên tục tăng trưởng với tốc độ khá. Các sản phẩm truyền thống và du lịch như: Nước mắm Phan Thiết, nước suối Vĩnh Hảo, thanh long, tôm giống, Khu du lịch Hòn Rơm - Mũi Né... tiếp tục giữ vững thương hiệu. Thu ngân sách hàng năm đều tăng, từ 140 tỷ đồng/năm (năm 1992) tăng lên 12.893,1 tỷ đồng/năm (năm 2019). Hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu như: thủy lợi, giao thông, trường, trạm, điện, nước sạch, cảng biển... được tập trung đầu tư, nhờ đó bộ mặt đô thị và nông thôn ngày càng thay da đổi thịt rõ rệt. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa không ngừng phát triển. Chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho người nghèo luôn được quan tâm. Đến nay, toàn tỉnh đã căn bản hoàn thành mục tiêu xây, sửa nhà ở cho gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo và cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh chỉ còn 1,92%. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; những vụ việc phức tạp đều được xử lý kịp thời, không để xảy ra điểm nóng.

3. Là một tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, tỉnh đã ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả 2 nghị quyết: Nghị quyết về phát triển toàn diện dân sinh- kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Nghị quyết về đào tạo đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Với những chính sách thiết thực trên đã làm cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số chuyển mình mạnh mẽ. Hệ thống kết cấu hạ tầng đã được đầu tư hoàn chỉnh. Kinh tế phát triển khá vững vàng, chấm dứt được tình trạng du canh du cư; sự nghiệp giáo dục, y tế được quan tâm đẩy mạnh; đời sống bà con ngày càng ổn định. Bằng nhiều nguồn vốn của Trung ương và địa phương đã đầu tư xây dựng 255 công trình thiết yếu phục vụ phát triển toàn diện dân sinh, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, trụ sở làm việc của 17/17 xã thuần đồng bào dân tộc thiểu số đã được xây dựng kiên cố; 17/17 xã có nhà văn hóa; 11/11 xã vùng cao có cửa hàng bán lẻ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm; 16/17 xã đã đầu tư xây dựng hệ thống nước sinh hoạt tập trung, với 88,3% số hộ đồng bào được dùng nước sạch; 100% xã, thôn có điện lưới quốc gia, với 98% số hộ đã sử dụng điện; triển khai nhiều chương trình hỗ trợ đồng bào phát triển sản xuất, nâng chất lượng cuộc sống như: hỗ trợ chuyển đổi nghề, mua sắm máy móc cho 2.144 hộ; hỗ trợ nước phân tán cho 941 hộ; phát triển và tái canh cây cao su với tổng kinh phí 354.432 triệu đồng.

Đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số được đào tạo, bồi dưỡng khá căn bản, số lượng, chất lượng nâng lên. Đến nay, 100% cán bộ chủ chốt của cấp ủy, chính

quyền các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số, hoạt động đạt hiệu quả ngày càng cao hơn.

4. Hệ thống chính trị của tỉnh thường xuyên được củng cố, nội dung và phương thức hoạt động không ngừng được đổi mới, nâng dần hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Trong xây dựng Đảng, đặc biệt là từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “một số vấn đề cấp bách xây dựng Đảng hiện nay” gắn với Chỉ thị số 03-CT/TW về “Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; tiếp theo là thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ” gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW về “tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, ý thức rèn luyện tu dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng của đại đa số cán bộ, đảng viên được nâng lên; công tác nhận xét, đánh giá cán bộ, phân tích chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên ngày càng đi vào thực chất; phong cách lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên được đổi mới. Trong xây dựng chính quyền, chuyển biến rõ nhất là tỉnh đã nỗ lực thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính quyền. Hệ thống Mặt trận và các đoàn thể đã đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, sát cơ sở hơn, đã góp phần củng cố, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

5. Phong trào thi đua yêu nước đã được cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm, liên tục phát động gắn liền với thường xuyên sơ, tổng kết nhân điển hình tiên tiến. Cùng với các phong trào chung như: Đèn ơn đáp nghĩa, giảm nghèo, chung sức chung lòng xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh Tổ quốc, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, các lực lượng vũ trang cũng đã có nhiều phong trào thi đua cụ thể, phù hợp...được đông đảo nhân dân hưởng ứng mang lại hiệu quả tốt. Qua thực hiện phong trào thi đua, xuất hiện ngày càng nhiều những mô hình hay, kinh nghiệm tốt, những điển hình tập thể và cá nhân tiên tiến..., nhờ vậy đã cổ vũ, huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân vào quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhất là những nhiệm vụ trọng tâm của địa phương.

Mặc dù đạt nhiều thành tựu, nhưng nhìn chung nền kinh tế tỉnh ta tăng trưởng chưa thật sự ổn định, chưa tương xứng với tiềm năng của nền kinh tế. Năng lực cạnh tranh thấp; tình trạng thiếu vốn đầu tư phát triển sản xuất chưa được khắc phục do nguồn vốn huy động thấp trong khi nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước khó khăn. Công nghiệp nông thôn phát triển chậm. Thị trường xuất khẩu chưa thật ổn định. Sản phẩm du lịch chưa đa dạng. Giải quyết việc làm và đào tạo nghề còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu học tập và lao động của dân. Đời sống

một bộ phận nhân dân, đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn. Chất lượng của hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở chưa cao, công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đất đai, tài nguyên, khoáng sản... còn bất cập; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn còn xảy ra, v.v... Đặc biệt, tình trạng suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn hiệu quả, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Kỷ niệm 45 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và 45 năm ngày giải phóng tỉnh Bình Thuận là dịp chúng ta ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc, của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Bình Thuận; nhìn lại chặng đường phấn đấu xây dựng và phát triển đất nước, quê hương, đồng thời nhận thức sâu sắc hơn giá trị, những bài học kinh nghiệm được tổng kết từ trong thực tiễn đấu tranh của dân tộc để tiếp thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Chúng ta càng tự hào về lịch sử đấu tranh cách mạng hào hùng của dân tộc, của quê hương thì càng phải nêu cao tinh thần, ý thức trách nhiệm vận dụng và phát triển những bài học, kinh nghiệm quý giá trong cách mạng giải phóng dân tộc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng của Đại thắng Mùa Xuân năm 1975 vào công cuộc đổi mới và đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận